

BIỂU SỐ 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC CB**

MST: 4800103996

Số: 259/BC-CNCB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Cao Bằng, ngày 05 tháng 06 năm 2023

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2022 so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1

Năm 2022 tiếp tục là một năm Công ty hoàn thành tốt các nhiệm vụ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

- Chỉ tiêu Tổng Doanh thu đạt mức tăng trưởng khá tốt là 1,63% so với năm 2021 và đạt 100,07% so với kế hoạch đã đề ra. Tuy nhiên chỉ tiêu Doanh thu sản xuất nước lại giảm 0,18% so với năm 2021 và đạt 98,26% so với kế hoạch năm đã đề ra. Nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của dịch Covid-19 trong nửa đầu năm 2022, khiến lượng tiêu thụ nước sạch của khách hàng giảm mạnh, đặc biệt là ở khối kinh doanh, dịch vụ, sản xuất, xây dựng. Bên cạnh đó, mức độ bao phủ cấp nước của Công ty đã cơ bản đạt 100%, lượng khách hàng đã ổn định nên việc khai thác thêm khách hàng để tăng doanh thu là không khả quan

- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 11,22 tỷ đồng, đạt 90,85% so với kế hoạch đề ra. Mặc dù chỉ tiêu Doanh thu có tăng trưởng so với năm 2021 nhưng tốc độ tăng trưởng doanh thu lại thấp hơn tốc độ gia tăng chi phí SXKD là nguyên nhân dẫn đến việc chỉ tiêu Lợi nhuận năm 2022 giảm 6,5% so với năm 2021 và đạt 90% so với kế hoạch năm đã đề ra.

- Thuế và các khoản nộp ngân sách đạt 9,95 tỷ đồng, tăng 2,7% so với kế hoạch năm 2022.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới hình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

a) Thuận lợi:

- Nguồn nước ít bị ô nhiễm, hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ sản xuất nước hoạt động tốt, điện phục vụ sản xuất ổn định là cơ sở thuận lợi để sản xuất nước đảm bảo đáp ứng nhu cầu nước sạch trên các địa bàn.
- Thị trường tiêu thụ ổn định và phát triển
- Mạng lưới đường ống tiếp tục được đầu tư cải tạo và phát triển mới, các ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin đầu tư ứng dụng trong các năm gần đây đã phát huy tác dụng.
- Công ty có một đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, nhân viên phòng ban chuyên môn có trình độ chuyên môn, trình độ quản trị doanh nghiệp tốt, bản lĩnh chính trị vững vàng. Đội ngũ công nhân hầu hết có trình độ bậc thợ cao, lành nghề có tinh thần đoàn kết, có động lực lao động tốt dựa trên nền tảng hệ thống quản lý công ty bài bản, minh bạch là những yếu tố thuận lợi cơ bản để công ty tiếp tục nâng cao chất lượng các hoạt động quản trị doanh nghiệp và từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động chung.

b) Khó khăn:

- Ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 nghiêm trọng trong 4 tháng đầu năm 2022, dẫn đến lượng khách du lịch giảm, hệ thống nhà hàng, khách sạn đình trệ, các trường học nghỉ kéo dài là nguyên nhân làm giảm sức tiêu thụ nước sạch.
- Nguồn nước sông tuy ít bị ô nhiễm nhưng đang bị cạn kiệt, gây ảnh hưởng rất lớn đến nguồn cung cấp nước tại các trạm bơm cấp I.
- Đô thị hóa, chỉnh trang đô thị thường xuyên tác động vào hệ thống đường ống cấp nước làm gia tăng chi phí dịch chuyển đường ống, hạ tầng mạng lưới cấp nước, sửa chữa đầu nối, chi phí cấp nước tạm, làm gia tăng thất thoát.
- Hiện nay, việc sản xuất cung cấp nước tại địa bàn thành phố gặp khó khăn không nhỏ do đã vận hành trong trạng thái vượt công suất của Nhà máy nước Sông Bằng. Mặt khác nhiều tuyến ống cấp nước đầu tư lâu năm đã hạn chế, nằm sâu trong lòng đường, chất lượng ống kém...có nguy cơ bục vỡ lớn, rất cần cải tạo để đảm bảo cấp nước và chống thất thoát; Bên cạnh đó, việc đầu tư cơ sở vật

chất phục vụ công tác hoá nghiệm cũng chưa được đầu tư kịp thời. Những khó khăn này đều xuất phát từ việc thiếu vốn đầu tư, nên công tác khắc phục còn nhiều hạn chế.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính			
a)	Sản lượng nước máy sản xuất	1.000 m ³	7.191	6.874
b)	Sản lượng nước máy tiêu thụ	1.000 m ³	5.575	5.364
c)	Tỷ lệ thất thoát	%	21,39	22,46
2	Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	53,12	53,16
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	12,35	11,22
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	9,88	8,89
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	9,69	9,95
6	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	0	0
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)			
8	Tổng số lao động		122	122
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	16,56	15,25
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,56	1,35
b)	Quỹ lương người lao động	Tỷ đồng	15	13,9

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

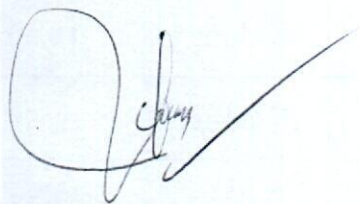
TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm... đến năm...)
Dự án quan trọng quốc gia							
Dự án nhóm A							
Dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CON

Không có

NGƯỜI LẬP



Lương Thị Hồng

**CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC
CÔNG TY**



Dư Hữu Nghĩa